



## 第 11 課

園	飛	機	将	神
VIÊN	PHI	CƠ	TƯƠNG	THẦN
定	顔	受	決	
ĐỊNH	NHAN	THỤ	QUYẾT	



	<b>VIÊN</b>	Ông Thổ (土) địa miện (口) thờ hồng hộc, Y (ネ) phục ước dẫn mò hôi chạy vòng quanh (口) công viên (園) tập thể dục
	その エン	- どうぶつえん 動物園 : sở thú こうえん 公園 : công viên



# かんじ

<b>2</b>	<b>PHI</b>	Chi <b>10</b> (十) <b>ngìn</b> (千) yên sẽ được <b>thăng</b> (升) chức và <b>bay</b> (PHI 飛) cao như 2 chú chim	
		と	と飛ぶ : bay nhảy
		ヒ	ひこうき飛行機 : máy bay

<b>3</b>	<b>CƠ</b>	Bên <b>cây</b> (木) có <b>người</b> (人) dẹt 2 sợi <b>tơ</b> (么) <b>qua</b> (戈) máy <b>cơ</b> (機)	
		はた	-
		キ	きかい機会 : cơ hội コピー機 : máy phô tô ~機 : ~máy

<b>4</b>	<b>TƯƠNG</b>	Lấy móng tay cào vào tường thì <b>tương</b> (将) đối <b>thốn</b> (寸)	
		-	-
		ショウ	しょうらい将来 : tương lai



# かんじ

よんでみよう！



- その動物園には可愛い動物がいます。
- 私は公園より動物園のほうが行きたいです。
- 飛行機で行けば一日でロンドンへ行けます。
- 私はこの機会を利用するつもりです。
- コピー機の使い方が分からないんですが、教えていただけませんか。
- 将来のために勉強したほうがいいです。
- 世界神話の中でも、大洪水の話はとて有名だ。

5	THẦN	Thần (神) thánh địch thân (申) đưa ra chỉ thị (示)	
		かみ かん こう	<small>かみ</small> 神 : thần <small>かんぬし</small> 神主 : người cai quản đền
		シン ジン	<small>しんわ</small> 神話 : thần thoại <small>じんじゃ</small> 神社 : đền



# かんじ

<b>6</b>	<b>ĐỊNH</b>	Mùa dịch xác <b>định</b> (定) ở nhà (→) là <b>chính xác</b> (正)	
		さだ テイ ジョウ	- よてい <b>予定</b> : kế hoạch ていしょく <b>定食</b> : suất ăn あんてい <b>安定</b> : ổn định

<b>7</b>	<b>NHAN</b>	<b>Đứng</b> (LẬP 立) trên <b>sườn núi</b> (HÁN 厂) <b>xoã tóc</b> (SAM 彡) để vẽ <b>dung nhan</b> (顔) vào trang <b>giấy</b> (HIỆT 頁)	
		かお ガン	かお <b>顔</b> : khuôn mặt えがお <b>笑顔</b> : khuôn mặt tươi cười -

<b>8</b>	<b>THỤ</b>	<b>Lại</b> (HỰU 又) đang hưởng <b>thụ</b> (受) chiếc <b>khăn</b> (→) hình móng tay (爪)	
		う ジュ	うけつけ <b>受付</b> : lễ tân うける <b>受ける</b> : nhận うけとる <b>受け取る</b> : phụ trách じゅけん <b>受験</b> : dự thi



# かんじ

9	QUYẾT	Quyết (決) tâm tiêu diệt thủy (THỦY 水) quái (QUÁI 夬)
		き 決める : quyết định 決まる : được quyết định
		ケツ 決勝 : quyết thắng

## よんでみよう!



- 船は予定の通り港に到着しました。
- 私はその男の顔は覚えているが名前が思い出せません。
- 私は試験を受ける前に面接を受けなければなりません。
- 何をするかを決めるのは自分の責任です。

おわり